

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách xã 6 tháng năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA KIỂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về điều chỉnh thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 (lần 1).

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về điều chỉnh thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2026 (lần 1).

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Gia Kiệm tại Tờ trình số 1726/TTr-KT ngày 17/7/2026 về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng năm 2026..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng năm 2026 (các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Khối MTTQ và các tổ chức xã hội xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Các cơ quan, ban ngành xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Là Nguyễn Minh Hiền



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÁ GIA KIÊM**

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÁ 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NS XÁ NĂM 2026	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2026	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	368.785	239.141	0,65
1	Các khoản thu NS xã được hưởng	54.975	66.814	1,22
1.1	Thuế công thương nghiệp, NQD	19.295	18.284	0,95
	Thuế GTGT	15.635	13.339	0,85
	Thuế TNDN	2.360	3.910	1,66
	Thuế Tài nguyên	1.300	1.035	0,80
1.2	Thuế thu nhập cá nhân	-		
1.3	Thuế bảo vệ môi trường			
1.4	Lệ phí trước bạ	9.300	9.975	1,07
1.5	Phí và lệ phí	600	424	0,71
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.100	445	0,40
1.7	Thuê đất	1.780	3.049	1,71
1.8	Thu tiền sử dụng đất	22.400	33.033	1,47
1.9	Thu khác	500	1.604	3,21
2	Thu bổ sung	296.266	154.783	0,52
	- Thu bổ sung cân đối	281.883	140.400	0,50
	- Thu bổ sung có mục tiêu	14.383	14.383	1,00
3	Thu chuyển nguồn	17.544	17.544	1,00
II	TỔNG SỐ CHI	336.858	126.359	0,38
1	Chi đầu tư phát triển	57.790	941	0,02
2	Chi thường xuyên	271.817	125.418	0,46
3	Dự phòng	7.251		-



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIA KIỂM

Biểu số 114/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG

Đvt: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	85.525	368.785	97.267	239.141	113,73	64,85
I	Các khoản thu 100%	4.100	1.100	3.570	2.028	87,07	184,36
	Phí, lệ phí	2.300	600	1.187	424	51,61	70,67
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	1.800	500	2.383	1.604	132,39	320,80
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	81.425	53.875	93.697	64.786	115,07	120,25
1	Các khoản thu phân chia	10.400	10.400	10.420	10.420	100,19	100,19
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.100	1.100	445	445	40,45	40,45
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	9.300	9.300	9.975	9.975	107,26	107,26
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	71.025	43.475	83.277	54.366	117,25	125,05
	- Thuê đất	2.225	1.780	3.812	3.049	171,33	171,29
	- Thu tiền sử dụng đất	28.000	22.400	41.278	33.033	147,42	147,47
	- Thu nhập cá nhân	9.000		8.931		99,23	
	- Thuế GTGT	26.500	15.635	22.056	13.339	83,23	85,31
	- Thuế TNDN	4.000	2.360	6.165	3.910	154,13	165,68
	- Thuế tài nguyên	1.300	1.300	1.035	1.035	79,62	79,62
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		17.544		17.544		100,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		296.266	-	154.783		52,24
	- Thu bổ sung cân đối		281.883		140.400		49,81
	- Thu bổ sung có mục tiêu		14.383		14.383		100



Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG

Dvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026			THỰC HIỆN QUÝ 6 THÁNG NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	368.785	61.366	307.419	126.359	941	125.418	34,26	0,01533	40,80
	Trong đó				-					
1	Chi giáo dục	165.795		165.795	72.811		72.811	43,92		43,92
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	127		127	24		24	18,90		18,90
3	Chi y tế	6.353		6.353	2.853		2.853	44,91		44,91
4	Chi quốc phòng - an ninh	13.710		13.710	6.943		6.943	50,64		50,64
5	Chi văn hóa, thông tin	400		400	318		318	79,50		79,50
6	Chi phát thanh, truyền thanh	200		200	90		90	45,00		45,00
7	Chi thể dục thể thao	300		300	475		475	158,33		158,33
8	Chi bảo vệ môi trường	8.458		8.458	2.077		2.077	24,56		24,56
9	Chi các hoạt động kinh tế	5.700		5.700	1.660	941	719	29,12		12,61
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	45.822		45.822	21.767		21.767	47,50		47,50
11	Chi cho công tác xã hội	29.406		29.406	17.341		17.341	58,97		58,97
12	Chi khác	12.188		12.188	-					
13	Dự phòng ngân sách	7.251		7.251	-					
14	Chi nguồn CCTL	11.709		11.709	-					